

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DS-ST

Ngày: 28 - 9 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Trung
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp B, xã N, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp Th, xã P, huyện T, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Huyền T1, sinh năm 1997, Địa chỉ: Số 19, ấp B, xã N, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp 2, xã Bình Tâm, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Ông Tr, bà T1, ông T2 có mặt. Ông Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Trần Văn Tr: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn Tr trình bày:

Vào ngày 10/8/2020, ông có cho con rể là ông Nguyễn Tấn Đ mượn 20.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24kr, việc cho mượn không có làm giấy tờ, chỉir thỏa thuận miệng, ông Đ hẹn đến ngày 17/8/2020 trả cho ông Tr nhưng đến hạn ông Đ không trả dù ông Tr đã nhiều lần yêu cầu. Trong đoạn ghi âm ngày 01/9/2020 và thông qua những tin nhắn qua Zalo giữa ông và ông Đ thì ông Đ thừa nhận có mượn ông Tr 20.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24kr. Do ông Đ chưa trả tiền và vàng còn nợ cho ông Tr nên ông Tr khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả cho ông Tr số tiền 20.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24kr.

Đề nghị của bị đơn – Nguyễn Tấn Đ: Trong lời trình bày tại bản tự khai gửi cho Tòa án, ông Đ xác định: Ông không có mượn tiền ông Tr số tiền 20.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24kr nên ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Tr. Đối với những tin nhắn ông Tr cung cấp có nội dung ông Đ nợ tiền ông Tr thì ông Đ không biết và không có nhắn tin cho ông Tr. Về nội dung ghi âm ông Đ không biết thật hay giả nên không đồng ý.

Đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Huyền T1: Ông Đ vay tiền sử dụng với mục đích riêng, không liên quan đến bà T1. Bà T1 cũng không biết việc này, nay ông Tr khởi kiện yêu cầu ông Đ trả tiền và vàng trên, bà T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Lời trình bày của người làm chứng – ông Nguyễn Minh T2: Ông T2, ông Tr và ông Đ là anh em, bạn bè quen biết nên khoảng tháng 9/2020, ông T2 cùng với ông Tr và ông Đ có nói chuyện với nhau tại quán cà phê ở Tân An. Trong cuộc nói chuyện, ông T2 biết sự việc ông Đ nợ tiền và vàng của ông Tr. Khi hai bên nói chuyện thì ông T2 có khuyên ông Tr và ông Đ, ông Đ nói là sẽ trả lại tiền và vàng cho ông Tr, ông Đ nói thiếu ông Tr bao nhiêu thì sẽ trả bấy nhiêu. Nội dung cuộc nói chuyện của các bên như sau: Ông Đ yêu cầu trả ông Tr giao chiếc xe mà ông Tr đã mua cho vợ chồng ông Đ, khi đó ông Tr yêu cầu ông Đ trả 20.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24kr. Lúc này, ông Đ thừa nhận có nợ số tiền 20.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24kr, có hứa hẹn trả tiền cho ông Tr; đồng thời, ông T2 thấy hai bên nói chuyện liên quan đến chiếc xe. Ông T2 có khuyên ông Tr là: “du di cho ông Đ, Đ cũng đang khó khăn nên chưa có trả, nếu Đ có tiền thì đã trả rồi”. Đồng thời, ông T2 khuyên ông Đ nên “xem xét lại, xin ông Tr đi, khi nào có tiền thì trả lại ông Tr”.

Các tình tiết của vụ án:

Những nội dung các đương sự thống nhất được:

Ông Tr và người làm chứng – Nguyễn Minh T2 trình bày thống nhất việc ông Đ có hẹn trả ông Tr số tiền 20.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24kr.

Những nội dung các đương sự không thống nhất được: Ông Tr yêu cầu ông Nguyễn Tấn Đ có nghĩa vụ trả số tiền 20.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24kr. Ông Đ không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về nội dung vụ án: Mặc dù giữa bị đơn và nguyên đơn khi xác lập quan hệ vay tài sản không làm hợp đồng bằng văn bản nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn cũng như chứng cứ là đoạn ghi âm mà nguyên đơn cung cấp thì bị đơn có xác nhận vay tài sản của nguyên đơn khi nguyên đơn tới đòi trả 20 triệu và 05 chỉ vàng 24k. Đồng thời, trong đoạn ghi âm bà T1 cung cấp cho Tòa án khi giải quyết vụ án hôn nhân gia đình yêu cầu không công nhận vợ chồng và chia tài sản chung được thể hiện tại bản án số 22/2021/HNGĐ-PT ngày 17/5/2021 thì ông P cha của ông Đ cũng có nói: “Thằng Đ nó mượn anh 50 triệu hay bao nhiêu tiền thì hoàn trả anh đầy đủ” ông P đã thừa nhận câu nói này. Giữa bà T1 và ông Đ đã không sống chung với nhau từ tháng 3/2020, ông Đ vay tiền là để sử dụng riêng. Như vậy, bị đơn và nguyên đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản bằng lời nói với số tài sản là 20.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24kr do bị đơn vi phạm nghĩa vụ không trả tiền khi tới hạn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Áp dụng Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Bộ luật dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Tấn Đ: Ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của ông Tr:

Ông Trần Văn Tr khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tấn Đ trả số tiền 20.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24 Kr. Ông Tr xác định do có mối quan hệ cha vợ của Đ (ông Tr là cha vợ, ông Đ là con rể) nên khi xác lập giao dịch vay tài sản hai bên không làm hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng. Ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Tr, không đồng ý với nội dung đoạn ghi âm nói chuyện giữa ông Đ, ông Tr và ông T2 nhưng ông Đ không yêu cầu giám định giọng nói của ông Đ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Quyết định đối chất giữa ông ông Đ, ông Tr và ông T2 nhưng ông Đ vắng mặt không tham gia đối chất.

Xét thấy, tại bản án số 22/2021/HNGĐ-PT ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, ông P là cha của ông Đ có thừa nhận nội dung đoạn ghi âm mà bà T1 cung cấp cho Tòa án khi giải quyết vụ án hôn nhân gia đình yêu cầu không công nhận vợ chồng và chia tài sản chung. Nội dung ông P nói với ông Tr theo trang số 05 Bản án 22/2021/HNGĐ-PT: Nếu thắng Đ nó mượn anh 50 triệu hay bao nhiêu tiền thì hoàn trả anh đầy đủ”. Đồng thời, căn cứ đoạn ghi âm do nguyên đơn cung cấp cũng như người làm chứng – ông Nguyễn Minh T2 thể hiện khi ông Tr yêu cầu ông Đ trả số tiền nợ 20.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24 Kr thì ông Đ có xác nhận vay tài sản của ông Tr và hứa hẹn trả tiền và vàng cho ông Tr.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng có cơ sở xác định giữa ông Tr và ông Đ có xác lập hợp đồng vay tài sản bằng lời nói với số tiền 20.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24kr. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ không trả tiền ông Tr nên yêu cầu khởi kiện của ông Tr đối với ông Đ là có cơ sở chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Tấn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn Tr số tiền 20.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24kr.

[4] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Ông Trần Văn Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Tấn Đ phải chịu số tiền 2.287.500đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Tr đối với ông Nguyễn Tấn Đ.

Buộc ông Nguyễn Tấn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn Tr số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) và 05 (năm) chỉ vàng 24kr.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Tấn Đ phải chịu số tiền 2.287.500đồng (hai triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Ông Trần Văn Tr không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Tr số tiền **1.150.000đồng** tạm ứng án phí mà ông Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003473 ngày 07 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC.THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật